

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25- 11- 2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trung

2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân khu vực 8- Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: ông Trần Viết Quyết - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc: ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị T, sinh năm 1980

2. Bị đơn: anh Cao Xuân H, sinh năm 1975

Đều có địa chỉ: thôn Q, xã N, tỉnh Hưng Yên

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Cao Xuân H và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 19/12/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; anh H không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh H. Chị và anh H có 02 con chung là Cao Thị Thu

H1, sinh ngày 17/8/2001 và Cao Tiến K, sinh ngày 18/5/2004. Hiện nay hai con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh Cao Xuân H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H không có mặt để tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Kết quả xác minh với mẹ đẻ anh H là bà Hà Thị K1 cung cấp: sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị T chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, bà không biết rõ nguyên nhân mâu thuẫn nhưng vợ chồng mỗi người sống một nơi từ khi con thứ hai của anh H, chị T đi học Đại học tại Hà Nội. Thỉnh thoảng gia đình có công việc chị T mới về nhà, còn anh H vẫn ở cùng nhà với bà nhưng ban ngày anh H đi đâu làm gì bà không biết, đến tối anh H mới về gia đình. Anh H và gia đình đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do anh H không đồng ý ly hôn nên không đến Tòa án giải quyết. Anh H và chị T có 02 con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung của anh H, chị T thì bà không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân: cần xử cho chị T được ly hôn anh H; về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Thanh X ly hôn anh Cao Xuân H có địa chỉ nơi cư trú tại xã N, tỉnh Hưng Yên, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và Cao Xuân H xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng; vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Chị T cương quyết xin ly hôn còn anh H không muốn ly hôn nhưng anh H cũng không đến Tòa án giải quyết, hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: chị T và anh H có hai con chung là Cao Thị Thu H1, sinh ngày 17/8/2001 và Cao Tiến K, sinh ngày 18/5/2004. Hiện nay hai con chung đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

Về quan hệ tài sản: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có ý kiến, yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết về quan hệ tài sản.

[3] Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Cao Xuân H.

2. Về án phí: chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000713 ngày 19/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị T và anh Cao Xuân H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, Hưng Yên;
- UBND xã Ngự Thiên, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng